

Số: 174/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ báo cáo thống kê và một số nội dung về công tác thống kê ngành Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015 và Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

Quyết định số 108/QĐ-BHXH ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu tập trung ngành Bảo hiểm xã hội phiên bản 1.0;

Quyết định số 893/QĐ-BHXH ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy chế quản trị, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu tập trung ngành Bảo hiểm xã hội.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chế độ báo cáo thống kê và một số nội dung về công tác thống kê ngành Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-BHXH ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Danh mục biểu mẫu thống kê tổng hợp ngành BHXH và biểu mẫu thống kê: được thiết kế để thu thập và lưu giữ cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp ngành BHXH tại từng đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam và tại BHXH tỉnh, gồm 15 biểu mẫu (chi tiết tại Phụ lục số I).

2. Sửa đổi tiết g, khoản 4, Điều 3 như sau:

“g) Phương thức gửi báo cáo

Các báo cáo thống kê được gửi dưới hình thức văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của BHXH Việt Nam.

Văn bản điện tử dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của Thủ trưởng đơn vị thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“ Điều 4: Trách nhiệm lập và gửi báo cáo thống kê

1. Các đơn vị trực thuộc BHXH tỉnh và BHXH Việt Nam căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thống nhất sử dụng và khai thác số liệu trên Hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu tập trung ngành BHXH Việt Nam (DWH) để thực hiện chế độ báo cáo thống kê. Quản lý, khai thác và đối chiếu với các hệ thống phần mềm nghiệp vụ để đảm bảo tính chính xác của các chỉ tiêu, báo cáo thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị được xây dựng trên Hệ thống DWH.

2. Thường xuyên rà soát, đối chiếu số liệu trên Hệ thống DWH với số liệu trên các phần mềm nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị. Trường hợp có sai lệch, phản ánh về Phòng Công nghệ thông tin hoặc Văn phòng (đối với BHXH tỉnh, thành phố) và Trung tâm Công nghệ thông tin (đối với các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam) để kiểm tra, hiệu chỉnh đảm bảo số liệu khớp đúng với số liệu các đơn vị đang quản lý.

3. Định kỳ, các đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công truy cập Hệ thống DWH để kết xuất số liệu và hoàn thiện báo cáo thống kê theo quy định, cụ thể:

3.1. Chế độ báo cáo thống kê ngành BHXH Việt Nam

3.1.1. Tại BHXH tỉnh

a) Các phòng nghiệp vụ kết xuất báo cáo trên Hệ thống DWH theo lĩnh vực phụ trách, rà soát và hoàn thiện báo cáo gửi về Phòng Kế hoạch - Tài chính theo thời hạn quy định, cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý Thu - Sở, Thẻ: kết xuất và hoàn thiện các biểu mẫu: 02T/BCN-TST; 03T/BCN-TST; 04T/BCN-TST; 09Q/BCN-KHĐT phần Thu; 10N/BCN-TST; 11N/BCN-TST.

- Phòng Giám định Bảo hiểm y tế 1 (đối với BHXH TP Hà Nội và BHXH TP Hồ Chí Minh) và Phòng Giám định Bảo hiểm y tế (đối với BHXH các tỉnh, thành phố còn lại): kết xuất và hoàn thiện biểu mẫu 07T/BCN-CSYT; 09Q/BCN-KHĐT phần Chi KCB BHYT; 13N/BCN-CSXH phần Chi KCB BHYT.

- Phòng Chế độ BHXH: kết xuất và hoàn thiện biểu mẫu số 05T/BCN-CSXH; 08T/BCN-CSXH; 12N/BCN-TCKT và 13N/BCN-CSXH phần đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHTN.

b) Phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

- Tổng hợp và hoàn thiện biểu mẫu 01T/BCN-KHĐT; 06T/BCN-TCKT; 09Q/BCN-KHĐT; 12N/BCN-TCKT.

- Thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh gửi Cục Thống kê tỉnh theo quy định.

3.1.2. Tại BHXH Việt Nam

a) Các Vụ, Ban nghiệp vụ thực hiện kết xuất báo cáo trên Hệ thống DWH theo lĩnh vực phụ trách, rà soát, đối chiếu và hoàn thiện báo cáo gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư theo thời hạn quy định qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Eoffice, cụ thể như sau:

- Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ: kết xuất và hoàn thiện các biểu mẫu: 02T/BCN-TST; 03T/BCN-TST; 04T/BCN-TST; 09Q/BCN-KHĐT phần Thu; 10N/BCN-TST; 11N/BCN-TST; 15N/BCN-TST.

- Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế: kết xuất và hoàn thiện biểu mẫu: 07T/BCN-CSYT; 09Q/BCN-KHĐT phần Chi KCB BHYT; 13N/BCN-CSXH phần Chi KCB BHYT.

- Ban Thực hiện chính sách BHXH: kết xuất và hoàn thiện các biểu mẫu: 05T/BCN-CSXH; 08T/BCN-CSXH; 12N/BCN-TCKT và 13N/BCN-CSXH phần đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHTN.

- Vụ Tài chính - Kế toán: kết xuất và hoàn thiện các biểu mẫu: 06T/BCN-TCKT; 09Q/BCN-KHĐT phần Chi BHXH, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT; 12N/BCN-TCKT; 14N/BCN-TCKT.

b) Vụ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Tổng hợp và hoàn thành biểu mẫu 01T/BCN-KHĐT gửi Văn phòng BHXH Việt Nam theo quy định.

- Tổng hợp và hoàn thành biểu mẫu 09Q/BCN-KHĐT làm căn cứ tổng hợp báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán gửi Bộ Tài chính.

3.2. Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ báo cáo thống kê năm của Ngành theo các Biểu mẫu: 10N/BCN-TST; 11N/BCN-TST; 12N/BCN-TCKT; 13N/BCN-CSXH; 14N/BCN-TCKT; 15N/BCN-TST do các đơn vị nghiệp vụ gửi, tổng hợp và hoàn thiện các biểu mẫu báo cáo thống kê cấp quốc gia theo Nghị định số 60/2018/NĐ-CP trình Lãnh đạo Ngành phê duyệt.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: thực hiện tích hợp số liệu báo cáo thống kê cấp quốc gia lên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia của Văn phòng Chính phủ theo quy định.

4. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5: Khai thác cơ sở dữ liệu thông tin thống kê và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê

1. Việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê ngành BHXH Việt Nam được quy định tại Quyết định số 893/QĐ-BHXH ngày 10/7/2020 ban hành Quy chế quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống DWH.

2. Công chức, viên chức, người lao động hợp đồng của đơn vị được giao nhiệm vụ khai thác các chỉ tiêu, báo cáo thống kê từ Hệ thống DWH được cấp quyền truy cập vào Hệ thống DWH và bị thu hồi quyền truy cập khi không còn phụ trách công việc cần truy cập Hệ thống DWH hoặc chuyển công tác ra ngoài đơn vị để đảm bảo tính bảo mật của thông tin trong ngành BHXH Việt Nam.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm tiếp tục tích hợp hệ thống DWH với các hệ thống nguồn của Ngành để đảm bảo số liệu báo cáo thống kê trên hệ thống DWH đồng bộ với số liệu báo cáo các chỉ tiêu tương ứng tại các phần mềm nghiệp vụ của Ngành đang quản lý.”

5. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành BHXH Việt Nam theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát danh mục và nội dung các biểu mẫu báo cáo thống kê theo quy định của Quyết định này để đề nghị sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo cho phù hợp với thực tiễn.

2. Các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam; BHXH tỉnh, thành phố:

- Thực hiện báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn, đúng nội dung báo cáo được quy định.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.
- Xây dựng nội dung hướng dẫn lấy số liệu các biểu mẫu báo cáo thống kê trên Hệ thống DWH từ các chỉ tiêu, biểu mẫu trên các phần mềm nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực phụ trách của đơn vị.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin:

- Quản trị, vận hành, theo dõi, giám sát Hệ thống DWH đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, an toàn, an ninh thông tin. Thường xuyên cập nhật, nâng cấp và đồng bộ với các phần mềm nghiệp vụ đảm bảo sự thống nhất, chính xác, kịp thời giữa các phần mềm nghiệp vụ của Ngành đáp ứng yêu cầu trong hoạt động thống kê của ngành BHXH Việt Nam và các hoạt động thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ khác về công nghệ thông tin có liên quan đến hoạt động thống kê ngành BHXH Việt Nam.

- Trung tâm công nghệ thông tin có trách nhiệm hoàn thiện việc tích hợp hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê theo quy định tại Quyết định này lên Hệ thống DWH để các đơn vị triển khai thực hiện trong vòng 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

4. Trường hợp các điều khoản, văn bản tham chiếu thực hiện tại Quy định này được bổ sung, thay thế bằng điều khoản, văn bản mới thì áp dụng theo điều khoản, văn bản thay thế, bổ sung.”

6. Chi tiết Phụ lục số I: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê ngành BHXH Việt Nam sửa đổi, bổ sung và Phụ lục số II: Hướng dẫn phương pháp lập báo cáo thống kê sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.
2. Hệ thống biểu mẫu theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này được áp dụng sau 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3: Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian Trung tâm Công nghệ thông tin hoàn thiện việc tích hợp hệ thống biểu mẫu báo cáo lên Hệ thống DWH, các đơn vị tiếp tục sử dụng biểu mẫu báo cáo thống kê theo quy định tại Quyết định số 456/QĐ-BHXH ngày 23/4/2019 của BHXH Việt Nam.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam, Giám đốc BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc BHXH Bộ Quốc phòng, Giám đốc BHXH Công an nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, KHĐT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Mạnh

DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH BHXH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời hạn báo cáo
1	01T/BCN - KHĐT	Thống kê tổng hợp kết quả thu, chi BHXH, BHTN, BHYT	Tháng	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	- Văn phòng BHXH tỉnh - Văn phòng BHXH Việt Nam	Ngày mùng 8 tháng sau tháng báo cáo
2	02T/BCN - TST	Thống kê tình hình phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHYT	Tháng	- Phòng QL Thu - Sổ, thẻ - Ban QL Thu- Sổ, thẻ	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
3	03T/BCN - TST	Thống kê số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT	Tháng	- Phòng QL Thu - Sổ, thẻ - Ban QL Thu - Sổ, thẻ	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
4	04T/BCN - TST	Thống kê số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT	Tháng	- Phòng QL Thu - Sổ, thẻ - Ban QL Thu - Sổ, thẻ	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
5	05T/BCN - CSXH	Thống kê số người hưởng BHXH, BHTN	Tháng	- Phòng Chế độ BHXH - Ban CSXH	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
6	06T/BCN - TCKT	Thống kê số tiền chi trả BHXH, BHTN	Tháng	- Phòng KHTC - Vụ TCKT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
7	07T/BCN - CSYT	Thống kê chi KCB BHYT	Tháng	- Phòng GD BHYT - Ban CSYT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
8	08T/BCN - CSXH	Thống kê số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHXH, BHTN	Tháng	- Phòng Chế độ BHXH - Ban CSXH	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 6 tháng sau tháng báo cáo
9	09Q/BCN-KHĐT	Thống kê thu - chi BHXH, BHTN, BHYT	Quý/ 6 tháng/năm	- Phòng QL Thu, Sổ - thẻ; Phòng GD BHYT; Phòng KHTC - Ban QL Thu - Sổ, thẻ; Vụ TCKT, Ban CSYT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày mùng 10 tháng sau quý báo cáo
10	10N/BCN-TST	Thống kê thu BHXH, BHTN, BHYT theo khối quản lý	Năm	- Phòng QL Thu- Sổ, thẻ - Ban QL Thu- Sổ, thẻ	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo
11	11N/BCN-TST	Thống kê số người tham gia BHXH, BHTN, BHYT chia theo tỉnh, thành phố.	Năm	- Phòng QL Thu- Sổ, thẻ - Ban QL Thu- Sổ, thẻ	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời hạn báo cáo
12	12N/BCN-TCKT	Thống kê số người, số tiền chi các chế độ BHXH, BHTN	Năm	- Phòng KHTC; Phòng Chế độ BHXH. - Vụ TCKT; Ban CSXH	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo
13	13N/BCN-CSXH	Thống kê số người hưởng chế độ BHXH, BHTN, BHYT chia theo tỉnh, thành phố	Năm	- Phòng Chế độ BHXH; Phòng GD BHYT - Ban CSXH; Ban CSYT	- Phòng KHTC - Vụ KHĐT	Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo
14	14N/BCN-TCKT	Thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Năm	- Vụ TCKT	- Vụ KHĐT	Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo
15	15N/BCN-TST	Thống kê kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội	Năm	- Ban QL Thu - SỔ, thẻ	- Vụ KHĐT	Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM



STT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Mã số	Kế hoạch được giao	Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo	Đánh giá tình hình thực hiện			Số còn phải thực hiện hết năm	Ước thực hiện tháng sau
							So với tháng trước liền kề	So với cùng kỳ năm trước	So với KH giao		
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=1-3	8
	Một lần	Người	56								
3	Chế độ Ốm đau, Thai sản, DSPHSK	Người	57								
4	Chế độ BHTN	Người	58								
5	Số lượt người KCB BHYT	Lượt người	59								
	Ngoại trú	Lượt người	60								
	Nội trú	Lượt người	61								
VI	Tổng số tiền chi BHXH, BHTN, BHYT	Triệu đồng	62								
1	Chi BHXH	Triệu đồng	63								
1.1	Từ nguồn NSNN	Triệu đồng	64								
1.2	Từ nguồn quỹ	Triệu đồng	65								
	- Quỹ Hưu trí, tử tuất	Triệu đồng	66								
	- Quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Triệu đồng	67								
	- Quỹ Ốm đau thai sản	Triệu đồng	68								
2	Chi BHTN	Triệu đồng	69								
3	Chi KCB BHYT	Triệu đồng	70								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

...,ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

- Biểu số: 02T/BCN-TST

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

- Ngày nhận báo cáo: Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN
NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHTN, BHYT**

Tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu - Sở, thẻ
- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu - Sở, thẻ

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị: Người

Tên đơn vị	Mã số	SỐ NGƯỜI THAM GIA BHXH													SỐ NGƯỜI THAM GIA BHTNLD-BNN			SỐ NGƯỜI THAM GIA BHTN					SỐ NGƯỜI THAM GIA BHYT				
		TỔNG SỐ						TRONG ĐÓ							Số người	Tăng (giảm) so với tháng trước	Tăng (giảm) so với 31/12 năm trước	Số người	Tỷ lệ % so với KH giao của Ngành	Tăng (giảm) so với tháng trước	Tăng (giảm) so với 31/12 năm trước	Số còn phải thực hiện đến hết năm	Số người	Tỷ lệ % so với KH giao của Ngành	Tăng (giảm) so với tháng trước	Tăng (giảm) so với 31/12 năm trước	Số còn phải thực hiện đến hết năm
		Số người	Tỷ lệ % so với KH giao của Ngành	Tăng (giảm) so với tháng trước	Tăng (giảm) so với 31/12 năm trước	Số còn phải thực hiện đến hết năm	BHXH BẮT BUỘC				BHXH TỰ NGUYỆN																
							Số người	Tăng (giảm) so với tháng trước	Tăng (giảm) so với 31/12 năm trước	Số còn phải thực hiện đến hết năm	Số người	Tăng (giảm) so với tháng trước	Tăng (giảm) so với 31/12 năm trước	Số còn phải thực hiện đến hết năm													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
BHXH tỉnh/huyện	1																										
	2																										
	...																										
	...																										
Lực lượng vũ trang																											
Tổng cộng																											
Ước TH tháng sau																											

- Dân số: (người)

- Lực lượng lao động trong độ tuổi: (người)

- Tỷ lệ số người tham gia BHXH so với lực lượng trong độ tuổi: (%)

- Tỷ lệ số người tham gia BHTN so với lực lượng lao động trong độ tuổi: (%)

- Tỷ lệ số người tham gia BHYT so với dân số: (%)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

-Biểu số: 03T/BCN-TST

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo.

THỐNG KÊ SỐ TIỀN THU BHXH, BHTN, BHYT

Tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu - SỔ, thẻ
- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu - SỔ, thẻ

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị: Triệu đồng.

Tên đơn vị	Mã số	TỔNG SỐ THU BHXH, BHTN, BHYT					TRONG ĐÓ														
							Thu BHXH								Thu BHTN		Thu BHYT		Thu lãi chậm đóng		
		Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng BC	Tăng (giảm) so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Số còn phải thực hiện đến hết năm	Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng BC	Quỹ Hưu trí từ tất		Quỹ TNLD - BNN		Quỹ ỒĐTS		Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng	Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng			
									BHXH bắt buộc		BHXH tự nguyện		Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng BC						Số thực hiện trong tháng	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng BC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18	19
BHXH tỉnh/huyện	1																				
	2																				
Lực lượng vũ trang																					
Tổng cộng																					
Ước TH tháng sau																					

...ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

-Biểu số: 04T/BCN-TST

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo

THỐNG KÊ SỐ TIỀN CHẠM ĐÓNG BHXH, BHTN, BHYT
Tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu - Sở, thẻ
- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu - Sở, thẻ

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị: Triệu đồng

Tên đơn vị	Mã số	TỔNG SỐ TIỀN CHẠM ĐÓNG BHXH, BHTN, BHYT			Trong đó				
		Số tiền	Tỷ lệ so với số phải thu	Chênh lệch tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước	Chạm đóng BHXH	Chạm đóng BHTN	Chạm đóng BHYT	Chạm đóng BHTNLD - BNN	Chạm đóng lại chạm đóng BHXH, BHYT, BHTN
A	B	1=4+5+6+7	2	3	4	5	6	6	7
BHXH tỉnh/huyện	1								
	2								
Tổng cộng									
Ước TH tháng sau									

...ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

-Biểu số: 05T/BCN-CSXH

(Ban hành theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo.

THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI HƯỞNG BHXH, BHTN
Tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH

- BHXH Việt Nam: Ban CSXH

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC

- BHXH Việt Nam: Vụ KHDT

Đơn vị tính: Người/lượt người

Tên đơn vị	Mã số	1. Số người hưởng BHXH Nguồn NSNN			2. Số người hưởng BHXH nguồn Quỹ BHXH								3. Số người hưởng BHTN	
		Hàng tháng	Một lần		2.1. Quỹ Hưu trí			2.2. Quỹ TNLD - BNN			2.3. Quỹ Ốm đau Thai sản			
			Phát sinh trong tháng BC	Lũy kế đến tháng BC	Hàng tháng	Một lần		Hàng tháng	Một lần		Phát sinh trong tháng BC	Lũy kế đến tháng BC		
						Phát sinh trong tháng BC	Lũy kế đến tháng BC		Phát sinh trong tháng BC	Lũy kế đến tháng BC				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
BHXH tỉnh/huyện	1													
	2													
Tổng cộng														
Ước thực hiện tháng sau														

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....,ngày tháng năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Biểu số: 06T/BCN-TCKT

(Ban hành theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo

THỐNG KÊ SỐ TIỀN CHI TRẢ BHXH, BHYT

Tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ TCKT
- Đơn vị nhận báo cáo:**
- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị: Triệu đồng.

Tên đơn vị	Mã số	Thực hiện trong tháng											Lũy kế từ đầu năm đến tháng															
		Chi BHXH từ NSNN			Chi BHXH từ quỹ						Chi BHYT		Chi BHXH từ NSNN			Chi BHXH từ quỹ						Chi BHYT						
		Chi trả chế độ			Quỹ HTTT			Quỹ TNLĐ-BNN			Quỹ Ốm đau TS		Chi trả chế độ			Quỹ HTTT			Quỹ TNLĐ-BNN			Quỹ Ốm đau TS		Chi mua thẻ BHYT		Chi trả chế độ		
		Chi mua thẻ BHYT	Hàng tháng	Một lần	Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ		Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ		Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ	Chi mua thẻ BHYT	Hàng tháng	Một lần	Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ		Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ		Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ	Chi mua thẻ BHYT	Hàng tháng	Một lần	Chi mua thẻ BHYT	Chi trả chế độ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
BHXH tỉnh/huyện	1																											
	2																											
Tổng cộng																												
Ước thực hiện tháng sau																												

Ghi chú: Nguồn số liệu thống kê theo số phải trả

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

.....ngày tháng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 07T/BCN-CSYT

(Ban hành theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH
ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Báo cáo nhận báo cáo: Ngày 06 tháng sau
tháng báo cáo.

THÔNG KÊ CHI KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng GD BHYT

- BHXH Việt Nam: Ban CSYT

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC

- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị: lượt người; triệu đồng

Tên đơn vị	Mã số đơn vị	Số lượt người KCB BHYT						Số tiền chi KCB BHYT								
		Số thực hiện trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng		Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước		Số thực hiện trong tháng		Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng		Tỷ lệ % so với cùng kỳ năm trước		Tỷ lệ % so với KH được giao	Dự toán còn lại đến hết năm	
		Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú	Ngoại trú	Nội trú			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
BHXH tỉnh/huyện	01															
	02															
	...															
Tổng cộng																
Ước thực hiện tháng sau																

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

...,ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

- Biểu số: 08T/BCN-CSXH

(Ban hành theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: ngày 6 tháng sau tháng báo cáo.

**THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI QUYẾT
HƯỚNG MỐI CÁC CHẾ ĐỘ BHXH, BHTN**

Lũy kế từ đầu năm đến tháng ... năm ...

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH
- BHXH Việt Nam: Ban CSXH

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị tính: Người, lượt người

Tên đơn vị	Mã số	CHẾ ĐỘ BHXH											CHẾ ĐỘ BHTN							
		CHẾ ĐỘ HÀNG THÁNG			CHẾ ĐỘ MỘT LẦN						CHẾ ĐỘ ỒM ĐAU, THAI SẢN		CHẾ ĐỘ BHTN							
		Hưu tri	Trợ cấp tuất	Trợ cấp TNLD - BNN	BHXH một lần	Trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu	TNLD một lần	Chết do TNLD - BNN	BNN một lần	Trợ cấp tuất 1 lần	Trợ cấp khu vực 1 lần	Mai táng phí	Ồm đau	Thai sản	Dưỡng sức phục hồi sức khỏe	Trợ cấp thất nghiệp	Hỗ trợ học nghề	Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
BHXH tỉnh/huyện	01																			
	02																			
	...																			
Tổng cộng																				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

- Biểu số: 09Q/BCN-KHĐT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam).

Ngày nhận báo cáo: Ngày 10 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu, Sở - thè; Phòng GD BHYT; Phòng KHTC

- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu, Sở - thè; Vụ TCKT; Ban CSYT

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC

- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

THỐNG KÊ THU - CHI BHXH, BHYT, BHTN

Quý/6 tháng/năm

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã số	Kế hoạch giao	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện lũy kế đến 6 tháng/năm	So sánh (%)	
						Kế hoạch giao	Cùng kỳ năm trước
	A	B	1	2	3	4	5
I	TỔNG SỐ THU	1					
1	Thu bảo hiểm xã hội	2					
1.1	Quỹ Hưu trí, tử tuất	3					
-	BHXH bắt buộc	4					
-	BHXH tự nguyện	5					
1.2	Quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	6					
1.3	Quỹ Ốm đau thai sản	7					
2	Thu bảo hiểm thất nghiệp	8					
3	Thu bảo hiểm y tế	9					
II	TỔNG SỐ CHI	10					
1	Chi chế độ bảo hiểm xã hội	11					
1.1	Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo	12					
1.2	Nguồn quỹ bảo hiểm xã hội đảm bảo	13					
-	Quỹ Hưu trí, tử tuất	14					
-	Quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	15					
-	Quỹ Ốm đau thai sản	16					
2	Chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp	17					
3	Chi chế độ bảo hiểm y tế	18					
4	Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	19					

..., ngày tháng năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

- Biểu số: 10N/BCN-TST
(Ban hành kèm theo Quyết định số
174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024
của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng
6 năm sau năm báo cáo

**THỐNG KÊ THU BHXH,
BHTN, BHYT THEO
KHỐI QUẢN LÝ
Năm**

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu-Sổ, thẻ
- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu-Sổ, thẻ

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người (Người)	Số tiền (triệu đồng)		
					Tổng số	Thu từ đối tượng	Thu từ NSNN
	A	B	1	2	3=4+5	4	5
A.	BẢO HIỂM XÃ HỘI	1					
I	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	2					
1	Doanh nghiệp Nhà nước	3					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	4					
3	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	5					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	6					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	7					
6	Xã, phường, thị trấn	8					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	9					
8	Hợp tác xã	10					
9	Đơn vị ngoài công lập	11					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	12					
11	Lao động có thời hạn ở NN	13					
12	Đối tượng tự đóng	14					
13	Người nước ngoài	15					
14	Khác...	16					
II	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	17					
III	Bảo hiểm TNLĐ, BNN	18					
1	Doanh nghiệp Nhà nước	19					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	20					
3	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	21					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	22					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	23					
6	Xã, phường, thị trấn	24					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	25					
8	Hợp tác xã	26					
9	Đơn vị ngoài công lập	27					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	28					
11	Người nước ngoài	29					
12	Khác...	30					
B	BH THẤT NGHIỆP	31					
1	Doanh nghiệp Nhà nước	32					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	33					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	34					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	35					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	36					
6	Xã, phường, thị trấn	37					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	38					
8	Hợp tác xã	39					
9	Đơn vị ngoài công lập	40					

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người (Người)	Số tiền (triệu đồng)		
					Tổng số	Thu từ đối tượng	Thu từ NSNN
	A	B	1	2	3=4+5	4	5
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	41					
11	Khác...	42					
C	THU BHYT	43					
I	Đơn vị, đối tượng đóng	44					
1	Doanh nghiệp Nhà nước	45					
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	46					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	47					
4	Hành chính, Đảng, đoàn thể	48					
5	Đơn vị sự nghiệp công lập	49					
6	Xã, phường, thị trấn	50					
7	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	51					
8	Hợp tác xã	52					
9	Đơn vị ngoài công lập	53					
10	Hộ SXKD cá thể, tổ hợp tác, cá nhân	54					
11	Doanh nghiệp LLVT, CN CA	55					
12	Người nước ngoài	56					
II	Cơ quan BHXH đóng	57					
1	Hưu trí, trợ cấp MSLĐ hằng tháng	58					
2	Trợ cấp TNLĐ - BNN cho người đang hưởng trợ cấp BHXH hằng tháng	59					
3	Cán bộ xã hưởng Tr/cấp BHXH hằng tháng	60					
4	Ôm đau dài ngày	61					
5	Công nhân cao su	62					
6	Nghi chế độ thai sản	63					
7	Trợ cấp thất nghiệp	64					
III	Ngân sách NN đóng	65					
1	Thôi hưởng trợ cấp MSLĐ	66					
2	Cán bộ xã hưởng Tr/cấp NSNN	67					
3	Người có công với cách mạng	68					
4	Thân nhân người có công	69					
5	Phục vụ người có công	70					
6	Cựu chiến binh	71					
7	Đại biểu Quốc hội, HĐND	72					
8	Người tham gia kháng chiến	73					
9	Trẻ em dưới 6 tuổi	74					
10	Bảo trợ xã hội	75					
11	Người đã hiến bộ phận cơ thể	76					
12	Người thuộc GD nghèo	77					
13	Người DTTS sống vùng KK, ĐBKK	78					
14	Người sống ở vùng ĐBKK	79					
15	Người sống ở xã đảo, huyện đảo	80					
16	Thân nhân Công an	81					
17	Người làm công tác cơ yếu	82					
18	Thân nhân Cơ yếu	83					
19	Lưu học sinh	84					
20	Trên 80 tuổi hưởng TC tuất	85					
21	Khác ...	86					

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người (Người)	Số tiền (triệu đồng)		
					Tổng số	Thu từ đối tượng	Thu từ NSNN
	A	B	1	2	3=4+5	4	5
IV	Ngân sách NN hỗ trợ mức đóng	87					
1	Học sinh, sinh viên	88					
1.1	Học sinh, sinh viên TW	89					
1.2	Học sinh, sinh viên địa phương	90					
2	Hộ cận nghèo	91					
2.1	Ngân sách NN hỗ trợ 100%	92					
2.2	Ngân sách NN hỗ trợ một phần	93					
3	Hộ Nông, lâm, ngư, diêm có MSTB	94					
4	Hộ nghèo đa chiều không thuộc đối tượng NSNN đóng	95					
5	Khác	96					
V	Hộ gia đình	97					
VI	Người sử dụng lao động đóng	98					
1	Thân nhân của công nhân, viên chức quốc phòng đang phục vụ trong quân đội	99					
2	Thân nhân của công nhân công an phục vụ trong Công an nhân dân	100					
3	Thân nhân của người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu	101					
	Tổng cộng (A+B+C)	102					

...,ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 11N/BCN-TST
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 174/QĐ-BHXH ngày
02/02/2024 của BHXH Việt
Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20
tháng 6 năm sau năm báo cáo

**THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI THAM GIA
BHXH, BHTN, BHYT
CHIA THEO TỈNH, THÀNH PHỐ
Năm ...**

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng QL Thu - SỔ, thẻ
- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu - SỔ,
thẻ

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị tính: Người

STT	Tên đơn vị	Mã số	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm y tế
	<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	BHXH tỉnh/huyện	01			
64	Lực lượng vũ trang				
	Tổng cộng				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- **Biểu số: 12N/BCN-TCKT**
 (Ban hành theo Quyết định số
 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024
 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng 6
 năm sau năm báo cáo

**THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI,
 SỐ TIỀN CHI
 CÁC CHẾ ĐỘ BHXH, BHTN**

Năm

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC;
 Phòng Chế độ BHXH
 - BHXH Việt Nam: Vụ TCKT;
 Ban CSXH

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
 - BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

LOẠI CHẾ ĐỘ		Mã số	Đơn vị tính	Số đối tượng được chi trả	Số tiền chi
A		B	C	1	2
A	Nguồn NSNN	1			
I	Chi BHXH hàng tháng	2			
1	Hưu quân đội	3	Người/Triệu đồng		
2	Hưu công nhân viên chức	4	Người/Triệu đồng		
3	Trợ cấp công nhân cao su	5	Người/Triệu đồng		
4	Trợ cấp mất sức lao động	6	Người/Triệu đồng		
5	Trợ cấp 91	7	Người/Triệu đồng		
6	Trợ cấp TNLĐ-BNN	8	Người/Triệu đồng		
7	Trợ cấp phục vụ TNLĐ-BNN	9	Người/Triệu đồng		
8	Trợ cấp tuất ĐSCB	10	Người/Triệu đồng		
9	Trợ cấp tuất ĐSND	11	Người/Triệu đồng		
10	Trợ cấp 613	12	Người/Triệu đồng		
II	Chi BHXH một lần	13			
1	Trợ cấp mai táng	14	Người/Triệu đồng		
2	Trợ cấp tuất một lần	15	Người/Triệu đồng		
3	Phương tiện trợ giúp SH, DCCH	16	Người/Triệu đồng		
5	Trợ cấp khu vực một lần	17	Người/Triệu đồng		
7	Trợ cấp QĐ 52	18	Người/Triệu đồng		
8	Phí giám định y khoa	19	Người/Triệu đồng		
III	Đóng BHYT	20	Người/tr.đồng		
IV	Lệ phí chi trả	21	Người/tr.đồng		
B	Nguồn quỹ BHXH	22			
I	Quỹ hưu trí-Tử tuất	23			
1	Chi BHXH bắt buộc hàng tháng	24	Người/Triệu đồng		
	Hưu quân đội	25	Người/Triệu đồng		
	Hưu công nhân viên chức	26	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp cán bộ xã, phường	27	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất ĐSCB	28	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất ĐSND	29	Người/Triệu đồng		
2	Chi BHXH bắt buộc một lần	30			
	BHXH một lần	31	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp 1 lần khi về hưu	32	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp mai táng	33	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất 1 lần	34	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp khu vực một lần	35	Người/Triệu đồng		
	Phí giám định y khoa	36	Người/Triệu đồng		
3	Chi BHXH tự nguyện	37			
	Lương hưu	38	Người/Triệu đồng		

LOẠI CHẾ ĐỘ		Mã số	Đơn vị tính	Số đối tượng được chi trả	Số tiền chi
A		B	C	1	2
	BHXH một lần	39	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu	40	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp mai táng	41	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp tuất 1 lần	42	Người/Triệu đồng		
4	Đóng BHYT	43	Người/Triệu đồng		
II	Quỹ TNLĐ - BNN	44			
1	Chi hàng tháng	45			
	Trợ cấp TNLĐ-BNN	46	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp phục vụ TNLĐ-BNN	47	Người/Triệu đồng		
2	Chi một lần	48			
	Trợ cấp TNLĐ-BNN 1 lần	49	Người/Triệu đồng		
	Trợ cấp khi người lao động chết do TNLĐ	50	Người/Triệu đồng		
	Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau TNLĐ	51	Lượt người/Triệu đồng		
	Phương tiện trợ giúp SH, DCCH	52	Người/Triệu đồng		
	Phí khám giám định thương tật, bệnh tật	53	Người/Triệu đồng		
	Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro	54	Lượt người/Triệu đồng		
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	55	Người/Triệu đồng		
3	Đóng BHYT	56	Người/Triệu đồng		
III	Quỹ ốm đau thai sản	57			
1	Ốm đau	58	Lượt người/tr.đồng		
2	Thai sản	59	Lượt người/tr.đồng		
3	Dưỡng sức, PHSK	60	Lượt người/tr.đồng		
4	Đóng BHYT	61	Người/tr.đồng		
C	Quỹ BH Thất nghiệp	62			
1	Trợ cấp thất nghiệp	63	Người/Triệu đồng		
2	Hỗ trợ học nghề	64	Người/Triệu đồng		
3	Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề	65	Người/Triệu đồng		
4	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	66	Đơn vị/Triệu đồng		
5	Đóng BHYT	67	Người/Triệu đồng		

...,ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

- Biểu số: 13N/BCN -CSXH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo.

**THỐNG KÊ SỐ NGƯỜI HƯỞNG
BHXH, BHTN, BHYT
CHIA THEO TỈNH, THÀNH PHỐ
Năm ...**

Đơn vị báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH; Phòng GD BHYT
- BHXH Việt Nam: Ban CSXH; Ban CSYT

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH tỉnh: Phòng KHTC
- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị tính: Người/ Lượt người

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số người hưởng các chế độ BHXH				Số người hưởng BHTN	Số lượt người khám chữa bệnh BHYT	
		Nguồn NSNN trả		Nguồn Quỹ BHXH trả			Ngoại trú	Nội trú
		Hàng tháng	Một lần	Hàng tháng	Một lần			
A	B	1	2	3	4	5	6	7
BHXH tỉnh/huyện								
Tổng cộng								

Ghi chú: Số lượt người hưởng một lần do Quỹ BHXH chi trả đã bao gồm số lượt người hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản.

..., ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 14N/BCN-TCKT

(Ban hành theo Quyết định số 174/QĐ-BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo.

**THU, CHI QUỸ
BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP,
BẢO HIỂM Y TẾ
Năm**

Đơn vị báo cáo:

BHXH Việt Nam: Vụ TCKT

Đơn vị nhận báo cáo:

BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Giá trị
A	B	1
I. TỔNG THU	1	
A. NSNN cấp chi BHXH	2	
B. Thu Quỹ BHXH	3	
1. Tiền thu BHXH từ các đối tượng	4	
1.1. Quỹ Hưu trí, tử tuất	5	
1.2. Quỹ TNLĐ-BNN	6	
1.3. Quỹ Ốm đau, thai sản	7	
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ	8	
3. Lãi đầu tư tài chính	9	
4. Thu khác	10	
C. Thu Quỹ BHTN	11	
1. Tiền thu BHTN từ các đối tượng	12	
2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ	13	
3. Lãi đầu tư tài chính	14	
4. Thu khác	15	
D. Thu Quỹ BHYT	16	
1. Tiền thu BHYT từ các đối tượng	17	
2. Ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ	18	
3. Lãi đầu tư tài chính	19	
4. Thu khác	20	
II. TỔNG CHI	21	
A. Chi BHXH nguồn NSNN	22	
B. Chi Quỹ BHXH	23	
1. Chi các chế độ theo quy định	24	
1.1. Quỹ Hưu trí, tử tuất	25	
1.2. Quỹ TNLĐ-BNN	26	
1.3. Quỹ Ốm đau, thai sản	27	
2. Chi hoạt động quản lý	28	
C. Chi Quỹ BHTN	29	
1. Chi các chế độ theo quy định	30	
2. Chi hoạt động quản lý	31	
D. Chi Quỹ BHYT	32	
1. Chi các chế độ theo quy định	33	
2. Chi hoạt động quản lý	34	

...,ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

- Biểu số: 15N/BHXH-TST

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-
BHXH ngày 02/02/2024 của BHXH Việt Nam)

Ngày nhận báo cáo: Ngày 20 tháng 6 năm sau
năm báo cáo

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÁC CHỈ
TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM ...**

Đơn vị báo cáo:

- BHXH Việt Nam: Ban QL Thu,
Số - thẻ

Đơn vị nhận báo cáo:

- BHXH Việt Nam: Vụ KHĐT

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Tỷ lệ
	A	B	C	1
1	Tỷ lệ người lao động tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	01	%	
2	Tỷ lệ người lao động tham gia BHTN so với lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	02	%	
3	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT so với dân số	03	%	

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu

(Ký, họ tên)

...,ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)



Phụ lục số II
HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO THỐNG KÊ
(Kèm theo Quyết định số 137 /QĐ-BHXH ngày 02 /02 /2024
của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam)

Biểu số 01T/BCN-KHĐT: Thống kê tổng hợp kết quả thu, chi BHXH, BHTN, BHYT.

1. Mục đích: phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của từng đơn vị và của toàn Ngành nhằm giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh tổng hợp tình hình và đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của Ngành báo cáo Chính phủ, các bộ, ngành theo quy định.

2. Trách nhiệm lập:

Hàng tháng, đơn vị được giao đầu mỗi tổng hợp công tác thống kê của toàn đơn vị kết xuất báo cáo theo Biểu số 01T/BCN-KHĐT trên hệ thống DWH, rà soát, đối chiếu với số liệu báo cáo tại các Biểu số: 02T/BCN-TST, 03T/BCN-TST, 04T/BCN-TST, 05T/BCN-CSXH, 06T/BCN-TCKT, 07T/BCN-CSYT, 08T/BCN-CSXH của các đơn vị (phòng) nghiệp vụ gửi, hoàn thiện Biểu số 01T/BCN-KHĐT theo quy định, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Vụ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Văn phòng BHXH Việt Nam, thực hiện lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Văn phòng BHXH tỉnh, thực hiện lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Hướng dẫn lập báo cáo

* Chỉ tiêu theo cột:

Cột A: Ghi tên chỉ tiêu

Cột B: Đơn vị tính của chỉ tiêu tương ứng

Cột C: Ghi mã số chỉ tiêu

Cột 1- Ghi Kế hoạch được cơ quan quản lý cấp trên giao trong năm báo cáo.

Cột 2- Số phát sinh trong tháng tương ứng với từng chỉ tiêu.

Cột 3- Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo: Là số phát sinh cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo tương ứng với từng chỉ tiêu.

Cột 3= Cột 1+ Cột 2

Cột 4 - So sánh tình hình thực hiện các chỉ tiêu lũy kế tới hết tháng báo cáo với số lũy kế của tháng trước liền kề tháng báo cáo.

Cột 5 - So sánh tình hình thực hiện các chỉ tiêu lũy kế tới hết tháng báo cáo với số lũy kế cùng kỳ của năm trước.

Cột 6 - So sánh tình hình thực hiện lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo với kế hoạch được giao trong năm tính cho từng chỉ tiêu giao kế hoạch tương ứng.

Cột 7 – Số còn phải thực hiện so với Kế hoạch được giao trong năm theo từng chỉ tiêu được giao kế hoạch tương ứng.

Cột 8: Ước thực hiện các chỉ tiêu trong tháng tiếp theo trên cơ sở số liệu thực hiện các chỉ tiêu trong tháng và tốc độ tăng giảm của các chỉ tiêu so với tháng trước.

* Chỉ tiêu theo hàng

Mã số 02: Ghi tổng số người tham gia BHXH.

$$MS\ 02 = MS\ (04+05)$$

Mã số 03: Tỷ lệ số người tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi (chỉ tính cho số thực hiện trong tháng và ước thực hiện tháng sau tại Cột 2 và Cột 8)

Mã số 04: Ghi số người tham gia BHXH bắt buộc.

Mã số 05: Ghi số người tham gia BHXH tự nguyện.

Mã số 06: Ghi số người tham gia BHTNLD - BNN

Mã số 07: Ghi số người tham gia BHTN

Mã số 08: Tỷ lệ người tham gia BHTN so với lực lượng lao động trong độ tuổi (chỉ tính cho số thực hiện trong tháng và ước thực hiện tháng sau tại Cột 2 và Cột 8)

Mã số 09: Ghi số người tham gia BHYT

Mã số 10: Tỷ lệ người tham gia BHYT so với dân số (chỉ tính cho số thực hiện trong tháng và ước thực hiện tháng sau tại Cột 2 và Cột 8)

Mã số 11: Ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT

$$MS\ 11 = MS\ (12+18+19+20)$$

Mã số 12: Ghi tổng số tiền thu BHXH

$$MS\ 12 = MS\ (13+16+17)$$

Mã số 13: Ghi số tiền thu Quỹ Hưu trí, tử tuất

$$MS\ 13 = MS\ (14+15)$$

Mã số 14: Ghi số tiền thu BHXH bắt buộc

Mã số 15: Ghi số tiền thu BHXH tự nguyện

Mã số 16: Ghi số tiền thu Quỹ Tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp

Mã số 17: Ghi số tiền thu Quỹ Ốm đau thai sản

Mã số 18: Ghi số tiền thu BHTN

Mã số 19: Ghi số tiền thu BHYT

Mã số 20: Ghi số tiền thu lãi phạt chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT

Mã số 21: Ghi tổng số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT

$$MS\ 21 = MS\ (22+23+24+25+26)$$

Mã số 22: Ghi số tiền chậm đóng BHXH

Mã số 23: Ghi số tiền chậm đóng BHTNLĐ-BNN

Mã số 24: Ghi số tiền chậm đóng BHTN

Mã số 25: Ghi số tiền chậm đóng BHYT

Mã số 26: Ghi số tiền chậm đóng lãi chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT

Mã số 29: Ghi số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHXH hàng tháng

$$MS\ 29 = MS\ (30+31+32)$$

Mã số 30: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ hưu trí

Mã số 31: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ tử tuất

Mã số 32: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ TNLĐ-BNN

Mã số 33: Ghi tổng số người được giải quyết hưởng mới các chế độ một lần.

$$MS\ 33 = MS\ (34+35+36+37+38+39+40+41)$$

Mã số 34: Ghi số người được giải quyết hưởng mới BHXH 1 lần

Mã số 35: Ghi số người được giải quyết hưởng mới trợ cấp một lần khi nghỉ hưu

Mã số 36: Ghi số người được giải quyết hưởng mới trợ cấp TNLĐ một lần

Mã số 37: Ghi số người chết do TNLĐ

Mã số 38: Ghi số người được giải quyết hưởng mới BNN một lần

Mã số 39: Ghi số người được giải quyết hưởng mới chế độ tuất một lần

Mã số 40: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp khu vực một lần

Mã số 41: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp mai táng phí

Mã số 42: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp ốm đau

Mã số 43: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp thai sản

Mã số 44: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng mới trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

Mã số 45: Ghi số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHTN phát sinh

$$MS\ 45 = MS\ (46+47+48+49)$$

Mã số 46: Ghi số người được giải quyết hưởng mới trợ cấp thất nghiệp

Mã số 47: Ghi số người được giải quyết hưởng mới hỗ trợ học nghề

Mã số 48: Ghi số người được giải quyết hưởng mới hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề

Mã số 49: Ghi số người được giải quyết hưởng mới hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm

Mã số 52: Ghi số người hưởng chế độ hưu trí hàng tháng

Mã số 53: Ghi số người hưởng chế độ hưu trí một lần

Mã số 55: Ghi số người hưởng TNLĐ-BNN hàng tháng

Mã số 56: Ghi số người hưởng TNLĐ-BNN một lần

Mã số 57: Ghi số lượt người hưởng ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

Mã số 58: Ghi số người hưởng các chế độ BHTN

Mã số 59: Ghi số lượt người KCB BHYT

MS 59 = MS (60+61)

Mã số 60: Ghi số lượt người điều trị ngoại trú

Mã số 61: Ghi số lượt người điều trị ngoại trú

Mã số 62: Ghi tổng số tiền chi BHXH, BHTN, BHYT

MS 62 = MS (63+69+70)

Mã số 63: Ghi số tiền chi BHXH

MS 63 = MS (64+65)

Mã số 64: Ghi số tiền chi BHXH từ nguồn NSNN (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN theo quy định)

Mã số 65: Ghi số tiền chi BHXH từ nguồn Quỹ

MS 65 = MS (66+67+68)

Mã số 66: Ghi số tiền chi từ Quỹ Hưu trí, tử tuất

Mã số 67: Ghi số tiền chi từ Quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Mã số 68: Ghi số tiền chi từ Quỹ Ốm đau thai sản

Mã số 69: Ghi số tiền chi BHTN

Mã số 70: Ghi số tiền chi BHYT

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Các biểu báo cáo của các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ: 02T/BCN-TST, 03T/BCN-TST, 04T/BCN-TST, 05T/BCN-CSXH, 06T/BCN-TCKT, 07T/BCN-CSYT, 08T/BCN-CSXH.

- Quyết định giao kế hoạch hàng năm.

- Các báo cáo 01T/BCN-KHĐT của tháng trước liền kê và cùng kỳ năm trước liền kê.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 08 tháng sau tháng báo cáo: Phòng KHTC tại BHXH tỉnh và Vụ KHĐT tại BHXH Việt Nam thực hiện tổng hợp Biểu 01T/BCN-KHĐT từ các biểu mẫu báo cáo của các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 02T/BCN-TST: Thống kê tình hình phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHYT

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của ngành BHXH Việt Nam thực hiện trong tháng, từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 02T/BCN- TST từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Quản lý Thu – SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý Thu – SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số.

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH các huyện thuộc phạm vi quản lý của BHXH tỉnh và đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

- Cột 1: Ghi số người tham gia BHXH trong tháng báo cáo theo từng đơn vị.

- Cột 2: So sánh số người tham gia BHXH trong tháng báo cáo với kế hoạch được giao trong năm.

- Cột 3: So sánh số người tham gia BHXH trong tháng báo cáo với số người tham gia BHXH của tháng trước liền kề.
- Cột 4: So sánh số người tham gia BHXH trong tháng báo cáo với số người tham gia BHXH tại thời điểm 31/12 năm trước liền kề.
- Cột 5: Số người tham gia BHXH còn phải khai thác, phát triển so với Kế hoạch được giao trong năm.
- Cột 6: Ghi số người tham gia BHXH bắt buộc trong tháng báo cáo theo từng đơn vị.
- Cột 7: So sánh số người tham gia BHXH bắt buộc trong tháng báo cáo với số người tham gia BHXH bắt buộc của tháng trước liền kề.
- Cột 8: So sánh số người tham gia BHXH bắt buộc trong tháng báo cáo với số người tham gia BHXH bắt buộc tại thời điểm 31/12 năm trước liền kề.
- Cột 9: Số người tham gia BHXH bắt buộc còn phải khai thác, phát triển so với Kế hoạch được giao trong năm.
- Cột 10: Ghi số người tham gia BHXH tự nguyện trong tháng báo cáo theo từng đơn vị.
- Cột 11: So sánh số người tham gia BHXH tự nguyện trong tháng báo cáo với số người tham gia BHXH tự nguyện của tháng trước liền kề.
- Cột 12: So sánh số người tham gia BHXH tự nguyện trong tháng báo cáo với số người tham gia BHXH tự nguyện tại thời điểm 31/12 năm trước liền kề.
- Cột 13: Số người tham gia BHXH tự nguyện còn phải khai thác, phát triển so với Kế hoạch được BHXH Việt Nam giao trong năm.
- Cột 14: Ghi số người tham gia BHTNLD-BNN trong tháng báo cáo theo từng đơn vị.
- Cột 15: So sánh số người tham gia BHTNLD-BNN trong tháng báo cáo với số người tham gia BHTNLD-BNN của tháng trước liền kề.
- Cột 16: So sánh số người tham gia BHTN trong tháng báo cáo với số người tham gia BHTN tại thời điểm 31/12 năm trước liền kề.
- Cột 17: Ghi số người tham gia BHTN trong tháng báo cáo theo từng đơn vị.
- Cột 18: So sánh số người tham gia BHTN trong tháng báo cáo với kế hoạch được giao trong năm.
- Cột 19: So sánh số người tham gia BHTN trong tháng báo cáo với số người tham gia BHTN của tháng trước liền kề.
- Cột 20: So sánh số người tham gia BHTN trong tháng báo cáo với số người tham gia BHTN tại thời điểm 31/12 năm trước liền kề.
- Cột 21: Số người tham gia BHTN còn phải khai thác, phát triển so với Kế hoạch được giao trong năm.
- Cột 22: Ghi số người tham gia BHYT trong tháng báo cáo theo từng đơn vị.

- Cột 23: So sánh số người tham gia BHYT trong tháng báo cáo với kế hoạch được BHXH Việt Nam giao trong năm.

- Cột 24: So sánh số người tham gia BHYT trong tháng báo cáo với số người tham gia BHYT của tháng trước liền kề.

- Cột 25: So sánh số người tham gia BHYT trong tháng báo cáo với số người tham gia BHYT tại thời điểm 31/12 năm trước liền kề.

- Cột 26: Số người tham gia BHYT còn phải khai thác, phát triển so với Kế hoạch được giao trong năm.

Hàng tháng, căn cứ vào số người tham gia trong tháng, tốc độ tăng, giảm số người tham gia qua các tháng liền kề, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Biểu B06-TSW (BHXH Việt Nam); Biểu B06-TST (BHXH tỉnh) trên Hệ thống quản lý Thu-Sổ, Thẻ.

- Quyết định giao kế hoạch hàng năm.

- Các báo cáo 02T/BCN-TST của tháng trước liền kề và của tháng 12 năm trước liền kề.

6. Thời hạn báo cáo:

- Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo: Phòng Quản lý Thu-Sổ, Thẻ tại BHXH tỉnh và Ban Quản lý Thu-Sổ, Thẻ tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 02T/BCN-TST từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 03T/BCN-TST: Thống kê số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện thu BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của ngành BHXH Việt Nam thực hiện trong tháng từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 03T/BCN-TST từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo

theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Quản lý Thu – SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý Thu – SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số.

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH các huyện thuộc phạm vi quản lý của BHXH tỉnh và đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

- Cột 1: ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT thực hiện trong kỳ báo cáo.

- Cột 2: ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 3: so sánh số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT lũy kế đến hết tháng báo cáo với số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT cùng kỳ năm trước.

- Cột 4: so sánh số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT lũy kế đến hết kỳ báo cáo với kế hoạch thu được giao trong năm.

- Cột 5: ghi số thu BHXH, BHTN, BHYT còn phải thực hiện đến hết năm so với kế hoạch được giao.

- Cột 6: ghi số tiền thu BHXH thực hiện trong kỳ báo cáo.

- Cột 7: ghi số tiền thu BHXH lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 8: ghi số tiền thu BHXH bắt buộc thực hiện trong kỳ báo cáo.

- Cột 9: ghi số tiền thu BHXH bắt buộc lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 10: ghi số tiền thu BHXH tự nguyện thực hiện trong kỳ báo cáo.

- Cột 11: ghi số tiền thu BHXH tự nguyện lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 12: ghi số tiền thu Quỹ Tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp thực hiện trong kỳ báo cáo.

- Cột 13: ghi số tiền thu Quỹ Tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 14: ghi số tiền thu Quỹ Ôm đau thai sản thực hiện trong kỳ báo cáo.
- Cột 15: ghi số tiền thu Quỹ Ôm đau thai sản lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.
- Cột 16: ghi số tiền thu BHTN thực hiện trong kỳ báo cáo
- Cột 17: ghi số tiền thu BHTN lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.
- Cột 18: ghi số tiền thu BHYT thực hiện trong kỳ báo cáo
- Cột 19: ghi số tiền thu BHYT lũy kế từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo.
- Cột 20: ghi số tiền thu lãi chậm đóng.

Hàng tháng, căn cứ vào số thu phát sinh các tháng liền kề, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.
- Biểu B06-TSW (BHXH Việt Nam); Biểu B06-TST (BHXH tỉnh) trên Hệ thống quản lý Thu-Sổ, Thẻ.
- Quyết định giao dự toán thu – chi hàng năm.
- Các báo cáo 03T/BCN-TST của tháng trước liền kề và của tháng 12 năm trước liền kề.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo: Phòng Quản lý Thu-Sổ, Thẻ tại BHXH tỉnh và Ban Quản lý Thu-Sổ, Thẻ tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 03T/BCN-TST từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 04T/BCN-TST: Thống kê số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt số tiền chậm đóng tính lãi BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị chậm đóng, tình hình hoạt động của các đơn vị để phục vụ việc chỉ đạo của Lãnh đạo các cấp và áp dụng các biện pháp thu hồi số tiền chậm đóng kịp thời, hiệu quả.

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 04T/BCN-TST từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Quản lý Thu - SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý Thu - SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số.

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH các huyện thuộc phạm vi quản lý của BHXH tỉnh và đánh mã số bắt đầu từ 01 cho đến hết.

- Cột 1: Ghi tổng số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT lũy kế đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 2: So sánh số tiền chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT lũy kế đến hết kỳ báo cáo với số phải thu BHXH, BHTN, BHYT.

- Cột 3: So sánh chênh lệch tỷ lệ chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT lũy kế đến hết kỳ báo cáo với tỷ lệ chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT cùng kỳ của năm trước liền kề.

- Cột 4: ghi tổng số tiền chậm đóng BHXH lũy kế đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 5: ghi tổng số tiền chậm đóng BHTN lũy kế đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 6: ghi tổng số tiền chậm đóng BHYT lũy kế đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 7: ghi tổng số tiền chậm đóng BHTNLĐ - BNN lũy kế đến hết kỳ báo cáo.

- Cột 8: ghi tổng số tiền chậm đóng lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN lũy kế đến hết kỳ báo cáo.

Hàng tháng, căn cứ vào số tiền chậm đóng các tháng liền kề, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Biểu B06-TSW (BHXH Việt Nam); Biểu B06-TST (BHXH tỉnh) trên Hệ thống quản lý Thu-SỔ, Thẻ.

- Quyết định giao dự toán thu, chi hàng năm.

- Các báo cáo 04T/BCN-TST của tháng trước liền kề và của tháng cùng kỳ năm trước liền kề.

6. Thời hạn báo cáo

Phòng Quản lý Thu- Sở, Thẻ tại BHXH tỉnh và Ban Quản lý Thu-Sở, Thẻ tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 04T/BCN-TST, từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo vào ngày 06 tháng sau tháng báo cáo.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thông kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 05T/BCN-CSXH: Thống kê số người hưởng BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt số người hưởng các chế độ BHXH, BHTN của đơn vị và của Ngành, phục vụ công tác quản lý điều hành, làm căn cứ hoạch định các chính sách ngắn hạn và dài hạn đảm bảo an toàn quỹ BHXH; là căn cứ tính toán chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững của Ngành.

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 05T/BCN- CSXH từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thực hiện chính sách BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số cụ thể:

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại cột A và thực hiện đánh mã số từ 01 đến 63 tại cột B.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH quận, huyện trực thuộc BHXH tỉnh tại cột A và đánh mã số từ 01 tại cột B.

- Cột 1: Ghi tổng số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN

- Cột 2: Ghi tổng số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN phát sinh trong tháng.

- Cột 3: Ghi tổng số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN lũy kế đến tháng báo cáo.
- Cột 4: Ghi số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ quỹ hưu trí - tử tuất.
- Cột 5: Ghi số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ quỹ hưu trí - tử tuất phát sinh trong tháng.
- Cột 6: Ghi số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ quỹ hưu trí - tử tuất lũy kế đến tháng báo cáo.
- Cột 7: Ghi số người hưởng các chế độ BHTNLD-BNN hàng tháng từ quỹ TNLD-BNN
- Cột 8: Ghi số người hưởng các chế độ BHTNLD-BNN một lần từ quỹ TNLD-BNN phát sinh trong tháng báo cáo.
- Cột 9: Ghi số người hưởng các chế độ BHTNLD-BNN một lần từ quỹ TNLD-BNN lũy kế đến tháng báo cáo.
- Cột 10: Ghi tổng số lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe phát sinh trong tháng báo cáo.
- Cột 11: Ghi tổng số lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe lũy kế đến tháng báo cáo.
- Cột 12: Ghi tổng số người được hưởng các chế độ BHTN phát sinh trong tháng báo cáo.
- Cột 13: Ghi tổng số người được hưởng các chế độ BHTN lũy kế đến tháng báo cáo.

Hàng tháng, căn cứ vào số đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHTN của các tháng liền kề, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.
- Cơ sở dữ liệu của Ngành.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo: Phòng Chế độ BHXH tại BHXH tỉnh và Ban Thực hiện chính sách BHXH tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 05T/BCN-CSXH từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 06T/BCN-TCKT: Thống kê số tiền chi trả BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện chi trả các chế độ BHXH, BHTN của đơn vị và của Ngành trong tháng, từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 06T/BCN- TCKT từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Kế hoạch-Tài chính có trách nhiệm lập báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số cụ thể:

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại cột A và thực hiện đánh mã số từ 01 đến 63 tại cột B.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH quận, huyện trực thuộc BHXH tỉnh tại cột A và đánh mã số từ 01 tại cột B.

Ghi tổng số tiền chi các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN (bao gồm cả số tiền chi mua BHYT cho các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH từ nguồn NSNN theo quy định).

- Cột 1: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng từ nguồn NSNN theo quy định phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 2: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 3: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 4: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Hưu trí tử tuất từ nguồn Quỹ BHXH phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 5: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Hưu trí tử tuất hàng tháng từ nguồn Quỹ BHXH phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 6: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Hưu trí tử tuất một lần từ nguồn Quỹ BHXH phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 7: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ nguồn Quỹ BHXH phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 8: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ nguồn Quỹ BHXH phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 9: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp một lần từ nguồn Quỹ BHXH phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 10: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Ốm đau thai sản phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 11: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Ốm đau thai sản phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 12: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 13: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột 14: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng từ nguồn NSNN theo quy định lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 15: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 16: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 17: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Hưu trí tử tuất từ nguồn Quỹ BHXH lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 18: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Hưu trí tử tuất hàng tháng từ nguồn Quỹ BHXH lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 19: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Hưu trí tử tuất một lần từ nguồn Quỹ BHXH lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 20: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ nguồn Quỹ BHXH lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 21: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp hàng tháng từ nguồn Quỹ BHXH lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 22: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp một lần từ nguồn Quỹ BHXH lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 23: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Ốm đau thai sản lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 24: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Ốm đau thai sản lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 25: Ghi số tiền chi mua thẻ BHYT cho các đối tượng hưởng Bảo hiểm thất nghiệp lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

- Cột 26: Ghi tổng số tiền chi trả các chế độ Bảo hiểm thất nghiệp lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo.

Hàng tháng, căn cứ vào số tiền chi trả các chế độ BHXH, BHTN của các tháng liền kề, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

** Lưu ý: Số liệu tổng hợp vào báo cáo là số phải chi*

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.
- Biểu 4-CBH trên Phần mềm kế toán tập trung ngành BHXH.
- Mẫu C12-TS trên Phần mềm Quản lý Thu-Sổ, thẻ.
- Các báo cáo 06T/BCN-TCKT của tháng trước liền kề và của tháng 12 năm trước liền kề.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo: Phòng Kế hoạch – Tài chính tại BHXH tỉnh và Vụ Tài chính – Kế toán tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 06T/BCN-TCKT từ Hệ thống DWH vào hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 07T/BCN-CSYT: Thống kê chi khám chữa bệnh BHYT

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình chi KCB BHYT của đơn vị và của Ngành trong tháng và lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo, từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ chi KCB BHYT, chống trục lợi lạm dụng quỹ BHYT; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 07T/BCN- CSYT từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thực hiện chính sách BHYT có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Giám định BHYT 1 (đối với BHXH TP. Hà Nội, BHXH TP. Hồ Chí Minh) và Phòng Giám định BHYT (đối với BHXH các tỉnh còn lại) có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: Ghi tên đơn vị

- Cột B: Ghi mã số cụ thể:

+ Đối với BHXH Việt Nam: Ghi tên BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại cột A và thực hiện đánh mã số từ 01 đến 63 tại cột B.

+ Đối với BHXH tỉnh: Ghi tên BHXH quận, huyện trực thuộc BHXH tỉnh tại cột A và đánh mã số từ 01 tại cột B.

- Cột 1: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh ngoại trú phát sinh trong kỳ.

- Cột 2: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh nội trú phát sinh trong kỳ.

- Cột 3: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh ngoại trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo.

- Cột 4: Ghi số lượt người khám, chữa bệnh nội trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo.

- Cột 5: So sánh số lượt người khám, chữa bệnh ngoại trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo với số cùng kỳ năm trước liền kề.

- Cột 6: So sánh số lượt người khám, chữa bệnh nội trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo với số cùng kỳ năm trước liền kề.

- Cột 7: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh ngoại trú phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 8: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh nội trú phát sinh trong kỳ báo cáo.

- Cột 9: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh ngoại trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo.

- Cột 10: Ghi số tiền chi khám, chữa bệnh nội trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo.

- Cột 11: So sánh số tiền chi khám, chữa bệnh ngoại trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo với số cùng kỳ năm trước liền kề.

- Cột 12: So sánh số tiền chi khám, chữa bệnh nội trú lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo với số cùng kỳ năm trước liền kề.

- Cột 13: So sánh tổng số tiền chi khám, chữa bệnh BHYT lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo với Kế hoạch được giao.

- Cột 14: Ghi dự toán chi khám chữa bệnh BHYT còn lại đến cuối năm.

Hàng tháng, căn cứ vào số tiền chi khám chữa bệnh BHYT của các tháng liền kề, các Phòng nghiệp vụ thuộc BHXH tỉnh và đơn vị nghiệp vụ tại BHXH Việt Nam ước số liệu thực hiện tháng tiếp theo gửi về đơn vị tổng hợp theo quy định.

5. Nguồn số liệu:

- Hệ thống DWH.
- Hệ thống thông tin Giám định BHYT; Hệ thống Giám sát.
- Quyết định giao dự toán thu - chi hàng năm.
- Biểu 07T/BCN- CSYT cùng kỳ tháng trước liền kề và tháng 12 năm trước liền kề.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo: Phòng Giám định BHYT 1 (đối với BHXH TP. Hà Nội, BHXH TP. Hồ Chí Minh) và Phòng Giám định BHYT (đối với BHXH các tỉnh còn lại) tại BHXH tỉnh và Ban Thực hiện chính sách BHYT tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 07T/BCN-CSYT từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 08T/BCN-CSXH: Thống kê số người được giải quyết hưởng mới các chế độ BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, BHTN của đơn vị và của ngành BHXH trong tháng, từ đó đề xuất các phương án sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Trách nhiệm lập

Định kỳ hàng tháng, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 08T/BCN- CSXH từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thực hiện chính sách BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số người được giải quyết hưởng chế độ hưu trí lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 2: Ghi số người được giải quyết hưởng chế độ trợ cấp tuất hàng tháng lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 3: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 4: Ghi số người được giải quyết hưởng BHXH một lần lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 5: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 6 : Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp TNLĐ-BNN lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 7: Ghi số người chết do TNLĐ hưởng chế độ một lần lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 8: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp BNN một lần lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 9: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp tuất một lần lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 10: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp khu vực một lần lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 11: Ghi số người được giải quyết hưởng trợ cấp mai táng phí lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 12: Ghi số lượt người được giải quyết trợ cấp ốm đau lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 13: Ghi số lượt người được giải quyết trợ cấp thai sản lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 14: Ghi số lượt người được giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 15: Ghi số người có quyết định hưởng mới trợ cấp thất nghiệp được chi trả lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 16: Ghi số người có quyết định hưởng mới hỗ trợ học nghề được chi trả lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 17: Ghi số người được giải quyết hưởng hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề lũy kế đến tháng báo cáo.

- Cột 18: Ghi số người được giải quyết hưởng hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm lũy kế đến tháng báo cáo.

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Biểu mẫu 20-HSB, 25A-HSB, 25B-HSB trên Phần mềm xét duyệt chính sách TCS.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 06 tháng sau tháng báo cáo: Phòng Chế độ BHXH tại BHXH tỉnh và Ban Thực hiện chính sách BHXH tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 08T/BCN-CSXH từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 09Q/BCN-KHĐT: Thống kê thu chi BHXH, BHYT, BHTN

1. Mục đích: Tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện thu, chi BHXH, BHTN, BHYT hàng quý/6 tháng/năm phục vụ báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi hàng quý/6 tháng/năm.

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng quý/6 tháng/năm, các đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo biểu 09Q/BCN-KHĐT từ Hệ thống DWH, rà soát và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Quản lý Thu – SỔ, Thẻ tổng hợp các chỉ tiêu mã số 01 tới 09; Vụ Tài chính – Kế toán tổng hợp các chỉ tiêu mã số 10 tới 17 và chỉ tiêu mã số 19; Ban Thực hiện chính sách BHYT tổng hợp chỉ tiêu mã số 18 và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý Thu, Sổ thẻ tổng hợp các chỉ tiêu mã số 01 tới 09; Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp các chỉ tiêu mã số 10 tới 17 và chỉ tiêu mã số 19; Phòng Giám định BHYT 1 (đối với BHXH TP Hà Nội, BHXH TP Hồ Chí Minh) và Phòng Giám định BHYT (đối với BHXH các tỉnh còn lại) tổng hợp chỉ tiêu mã số 18 và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: hàng quý/6 tháng

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên chỉ tiêu

- Cột B: Ghi mã số chỉ tiêu

Mã số 01: Ghi Tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT

$$MS\ 01 = MS\ (02+08+09)$$

Mã số 02: Ghi số tiền thu BHXH MS 02 = MS (03+06+07)

Mã số 03: Ghi số tiền thu BHXH vào Quỹ Hưu trí tử tuất

$$MS\ 03 = MS\ (04+05)$$

Mã số 04: Ghi số tiền thu BHXH bắt buộc

Mã số 05: Ghi số tiền thu BHXH tự nguyện

Mã số 06: Ghi số tiền thu Quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Mã số 07: Ghi số tiền thu Quỹ Ốm đau thai sản

Mã số 08: Ghi số tiền thu BHTN

Mã số 09: Ghi số tiền thu BHYT

Mã số 10: Ghi tổng số chi

$$MS\ 10 = MS\ (10+17+18+19)$$

Mã số 11: Ghi số tiền chi các chế độ BHXH

$$MS\ 11 = MS\ (12+13)$$

Mã số 12: Ghi số tiền chi BHXH từ nguồn NSNN

Mã số 13: Ghi số tiền chi BHXH từ nguồn quỹ BHXH

$$MS\ 13 = MS\ (14+15+16)$$

Mã số 14: Ghi số tiền chi các chế độ từ quỹ Hưu trí tử tuất

Mã số 15: Ghi số tiền chi các chế độ từ quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Mã số 16: Ghi số tiền chi các chế độ từ quỹ Ốm đau thai sản

Mã số 17: Ghi số tiền chi BHTN

Mã số 18: Ghi số tiền chi BHYT

Mã số 19: Ghi số tiền chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT

5. Nguồn số liệu:

- Hệ thống DWH;

- Biểu B06-TSW (BHXH Việt Nam); Biểu B06-TST (BHXH tỉnh) trên Hệ thống quản lý Thu-Sổ, Thẻ.

- Biểu 04 - CBH trên Phần mềm Kế toán tập trung ngành BHXH.

- Hệ thống thông tin Giám định BHYT; Hệ thống Giám sát.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 10 quý sau quý báo cáo, các đơn vị thực hiện kết xuất Biểu 09Q/BCN-KHĐT từ Hệ thống DWH, hoàn thiện những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị và gửi báo cáo về đơn vị tổng hợp theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 10N/BCN-TST: Thông kê thu BHXH, BHTN, BHYT theo loại hình kinh tế

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình thực hiện thu BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của Ngành thực hiện trong năm từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng năm, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 10N/BCN- TST từ Hệ thống DWH, rà soát, chốt số liệu, hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Quản lý Thu – Sở, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý Thu – Sở, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

Cột A: ghi tên chỉ tiêu

Cột B: ghi mã số chỉ tiêu

Cột 1: Ghi số đơn vị tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN theo khối quản lý.

Cột 2: Ghi số người tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN phát sinh trong năm báo cáo tương ứng với từng chỉ tiêu hàng dọc tại cột A.

Cột 3: Ghi tổng số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN trong năm báo cáo tương ứng với số người tại chỉ tiêu hàng dọc.

Cột 4: Ghi số tiền thu BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN từ các đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

Cột 5: Ghi số tiền thu từ NSNN: là số tiền chuyển từ NSNN đóng, hỗ trợ mức đóng cho các đối tượng theo quy định.

MS 01= MS (02+17+18)

MS 31 = MS (32+33+34+35+36+37+38+39+40+41+42)

MS 43 = MS (44+57+65+87+97+98)

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Biểu B02-TSW (BHXH Việt Nam); Biểu B02-TST (BHXH tỉnh) trên Hệ thống quản lý Thu-Sổ, Thẻ.

6. Thời hạn báo cáo

Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo: Phòng Quản lý Thu- Sổ, Thẻ tại BHXH tỉnh và Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 10N/BCN-TST từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 11N/BCN-TST: Thống kê số người tham gia BHXH, BHTN, BHYT chia theo tỉnh, thành phố

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình phát triển người tham gia BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của Ngành thực hiện trong năm từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp kết quả hoạt động của đơn vị, của Ngành làm cơ sở thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh (đối với BHXH tỉnh) và Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia (đối với BHXH Việt Nam).

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng năm, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 11N/BCN- TST từ Hệ thống DWH, rà soát, chốt số liệu, hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Quản lý Thu – Sổ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Quản lý Thu – SỔ, Thẻ có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

Cột A: ghi tên chỉ tiêu

Cột B: ghi mã số chỉ tiêu

Cột 1: Ghi số người tham gia BHXH theo tỉnh, thành phố

Cột 2: Ghi số người tham gia BHTN theo tỉnh, thành phố

Cột 3: Ghi số người tham gia BHYT theo tỉnh, thành phố

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Biểu B02-TSW (BHXH Việt Nam); Biểu B02-TST (BHXH tỉnh) trên Hệ thống quản lý Thu-SỔ, Thẻ.

6. Thời hạn báo cáo

Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo: Phòng Quản lý Thu- SỔ, Thẻ tại BHXH tỉnh và Ban Quản lý Thu - SỔ, Thẻ tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 11N/BCN-TST từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 12N/BCN-TCKT: Thống kê chi các chế độ BHXH, BHTN

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình số người chi và số tiền chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT của đơn vị và của Ngành trong năm báo cáo.

2. Trách nhiệm lập

Định kỳ hàng năm, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 12N/BCN- TCKT từ Hệ thống DWH, rà soát, chốt số liệu, hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Vụ Tài chính - Kế toán và Ban Thực hiện chính sách BHXH có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH có trách nhiệm lập báo cáo phân đối tượng được chi trả, Phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm lập báo cáo

phần chi trả. Phòng Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

Cột A: ghi tên chỉ tiêu

Cột B: ghi mã số chỉ tiêu

Cột C: ghi đơn vị tính của các chỉ tiêu

Cột 1: Ghi số đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHTN đã được chi trả trong năm báo cáo tương ứng với chỉ tiêu Cột A.

Lưu ý: số người được chi trả hàng tháng là số người được chi trả tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo.

Số đối tượng được chi trả một lần là số đối tượng chi trả cộng dồn từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo.

Cột 2: Ghi số tiền đã chi trả các chế độ BHXH, BHTN tương ứng với các chỉ tiêu cột A.

MS 01= MS (02+13+20+21)

MS 22 = MS (23+44+57)

MS 23 = MS (24+30+37+43)

MS 44 = MS (45+48+56)

MS 57= MS (58+59+60+61)

MS 62 = MS (63+64+65+66+67)

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.
- Phần mềm kế toán tập trung ngành BHXH.
- Phần mềm xét duyệt chính sách TCS.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo: Tại BHXH tỉnh: Phòng Kế hoạch - Tài chính tại BHXH tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các đơn vị, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định. Tại BHXH Việt Nam: Các đơn vị thực hiện kết xuất Biểu 12N/BCN-TCKT từ Hệ thống DWH, hoàn thiện những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 13N/BCN-CSXH: Thống kê số người hưởng BHXH, BHTN, BHYT chia theo tỉnh, thành phố

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc, Giám đốc BHXH tỉnh nắm bắt tình hình số người hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN của đơn vị trong năm báo cáo.

2. Trách nhiệm lập

Định kỳ hàng năm, đơn vị (phòng nghiệp vụ) thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 13N/BCN- CSXH từ Hệ thống DWH, rà soát, chốt số liệu, hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về đơn vị đầu mối được phân công tổng hợp số liệu thống kê, cụ thể:

- Tại BHXH Việt Nam: Ban Thực hiện chính sách BHXH và Ban Thực hiện chính sách BHYT có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

- Tại BHXH tỉnh: Phòng Chế độ BHXH; Phòng Giám định BHYT 1 (đối với BHXH TP Hà Nội, BHXH TP Hồ Chí Minh) và Phòng Giám định BHYT (đối với BHXH các tỉnh còn lại) có trách nhiệm lập và gửi báo cáo về Phòng Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên chỉ tiêu

- Cột B: Ghi mã số chỉ tiêu

Cột 01: Ghi Số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn NSNN năm báo cáo

Cột 02: Ghi Số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ nguồn NSNN lũy kế đến hết năm báo cáo

Cột 03: Ghi Số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng từ nguồn Quỹ năm báo cáo

Cột 04: Ghi Số người hưởng các chế độ BHXH một lần từ nguồn Quỹ lũy kế đến hết năm báo cáo

Cột 05: Ghi số người hưởng BHTN năm báo cáo

Cột 06: Ghi số lượt người khám chữa bệnh BHYT ngoại trú năm báo cáo

Cột 07: Ghi số lượt người khám chữa bệnh BHYT nội trú năm báo cáo

5. Nguồn số liệu:

- Hệ thống DWH;

- Phần mềm kế toán tập trung ngành BHXH.

- Phần mềm xét duyệt chính sách TCS.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo: Các đơn vị thực hiện kết xuất Biểu 13N/BCN-CSXH từ Hệ thống DWH, hoàn thiện những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo thống kê trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 14N/BCN-TCKT: Thu, chi quỹ BHXH, BHTN, BHYT

1. Mục đích: Tổng hợp số liệu về tình hình thu, chi các quỹ BHXH, BHTN, BHYT phục vụ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng năm, Vụ Tài chính - Kế toán thực hiện kết xuất báo cáo theo Biểu mẫu 14N/BCN-TCKT từ Hệ thống DWH, rà soát đối chiếu với báo cáo quyết toán tài chính năm, chốt số liệu và hoàn thiện báo cáo theo quy định gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

- Cột A: ghi tên chỉ tiêu

- Cột B: Ghi mã số chỉ tiêu

Mã số 01: Ghi Tổng số tiền thu

$$MS\ 01 = MS\ (02+03+11+16)$$

Mã số 02: Ghi số tiền NSNN cấp cho BHXH Việt Nam để chi các chế độ BHXH từ nguồn NSNN

Mã số 03: Ghi tổng số tiền thu vào quỹ BHXH

$$MS\ 03 = MS\ (04+08+09+10)$$

Mã số 11: Ghi tổng số tiền thu vào quỹ BHTN

$$MS\ 11 = MS\ (12+13+14+15)$$

Mã số 16: Ghi tổng số tiền thu vào quỹ BHYT

$$MS\ 16 = MS\ (17+18+19+20)$$

Mã số 21: Ghi tổng số chi

$$MS\ 21 = MS\ (22+23+29+32)$$

Mã số 22: Ghi tổng số tiền chi BHXH từ nguồn NSNN

Mã số 23: Ghi tổng số tiền chi quỹ BHXH

$$MS\ 23 = MS\ (24+28)$$

Mã số 29: Ghi tổng số tiền chi từ quỹ BHTN

$$MS\ 29 = MS\ (30+31)$$

Mã số 32: Ghi tổng số tiền chi từ quỹ BHYT

$$MS32 = MS\ (33+34)$$

5. Nguồn số liệu:

- Hệ thống DWH;

- Phần mềm Kế toán tập trung ngành BHXH.

6. Thời hạn báo cáo

- Ngày 15 tháng 9 năm sau năm báo cáo: Vụ Tài chính - Kế toán tại BHXH Việt Nam thực hiện kết xuất Biểu 14N/BCN-TCKT từ Hệ thống DWH, hoàn thiện và gửi báo cáo theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian kết xuất và gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện kết xuất và gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.

Biểu số 15N/BCN-TST: Thống kê kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Ngành BHXH Việt Nam

1. Mục đích: Giúp Tổng Giám đốc nắm bắt tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ chính trị của Ngành được Đảng và Chính phủ giao, từ đó đề ra các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN phấn đấu đạt ở mức cao nhất các chỉ tiêu được Đảng, Chính phủ giao.

2. Trách nhiệm lập:

Định kỳ hàng năm, Ban Quản lý Thu - Sở, thẻ căn cứ số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại Biểu 15N/BCN-TST từ Hệ thống DWH, dân số và lực lượng lao động trong độ tuổi của cả nước theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, lập báo cáo và gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và lưu trữ theo quy định.

3. Kỳ báo cáo: Năm

4. Cách ghi biểu

Cột A: ghi tên chỉ tiêu

Cột B: ghi mã số chỉ tiêu

Cột C: ghi Đơn vị tính

Cột 1: Ghi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

5. Nguồn số liệu

- Hệ thống DWH.

- Số liệu về dân số và lực lượng lao động trong độ tuổi theo Thông cáo báo chí của Tổng cục Thống kê về tình hình kinh tế xã hội quý/năm.

6. Thời hạn báo cáo

Ngày 20 tháng 6 năm sau năm báo cáo: Ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ tại BHXH Việt Nam thực hiện lập báo cáo theo Biểu 15N/BCN-TST và gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Lưu ý: Trong trường hợp thời gian báo cáo trùng với ngày nghỉ, ngày Lễ, ngày Tết thì đơn vị thực hiện gửi báo cáo lùi vào ngày làm việc kế tiếp.